

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung học phần

- 1.1. Tên học phần: Tiếng Anh cơ bản 3 (Basic English 3)
- 1.2. Mã học phần: BE30031
- 1.3. Số tín chỉ: 03
 - Lý thuyết: 30 tiết
 - Bài tập trên lớp: 10 tiết
 - Thảo luận: 5 tiết
 - Học nhóm, tự học: 90 tiết
- 1.4. Loại học phần: bắt buộc
- 1.5. Học phần tiên quyết: Tiếng Anh cơ bản 1,2 (Basic English 1,2)
- 1.6. Học phần kế tiếp: Tiếng Anh chuyên ngành
- 1.7. Giảng viên phụ trách học phần:
 - Th.S Nguyễn Thị Nhung
 - Th.S Nguyễn Văn Thắng

2. Mô tả học phần

Học phần tiếng Anh cơ bản 3 là học phần thứ ba trong chương trình đào tạo tiếng Anh dành cho tiếng Anh không chuyên bậc đại học. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:

- Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho sinh viên trình độ tiền trung cấp như hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, các động từ khuyết thiếu,...

- Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày và để nói về các chủ đề quen thuộc như gia đình, sở thích, lĩnh vực quan tâm, công việc, du lịch, sự kiện đang diễn ra. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được học cách cấu tạo và sử dụng các loại từ như tính từ, trạng từ, đại từ, động từ hình thái, cụm động từ, cách kết hợp từ, quy tắc cấu tạo từ;

- Bảng phiên âm quốc tế và cách phát âm phụ âm, nguyên âm, các âm phổ biến trong tiếng Anh.

- Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ trung cấp.

3. Mục tiêu học phần (Course Objectives – COs)

Bảng 1: Mục tiêu của học phần, trình độ năng lực được phân bổ cho học phần

Mục tiêu (COs)	Mô tả mục tiêu học phần	Đáp ứng CDR HP, Trình độ năng lực
CO1	Kiến thức ngôn ngữ	
CO1.1	- Phát âm rõ ràng, dễ hiểu mặc dù đôi lúc giọng vẫn chưa tự nhiên và thành thạo còn phát âm sai. - Có thể nói dài mà vẫn có thể hiểu được, mặc dù còn khó khăn diễn đạt lại về cấu trúc và từ vựng, đặc biệt là khi nói dài và tự do.	CLO1, 3/6
CO1.2	Hiểu và sử dụng các cấu trúc, các thì trong tiếng Anh;	
CO1.3	- Có đủ vốn từ để diễn đạt bản thân, tuy còn vụng vo, về hầu hết các chủ đề liên quan đời sống hằng ngày như gia đình, thói quen, sở thích, công việc, du lịch và các sự kiện đang diễn ra.	
CO2	Các kỹ năng ngôn ngữ	
CO2.1	- Có thể xác định các kết luận chính trong các văn bản nghị luận có sử dụng các tín hiệu ngôn ngữ rõ ràng. Có thể nhận diện mạch lập luận của văn bản đang đọc, dù không nhất thiết phải thật chi tiết. - Có thể tìm thấy và hiểu các thông tin liên quan trong các văn bản sử dụng hằng ngày như thư từ, tờ thông tin và các công văn ngắn. - Có thể hiểu các đoạn mô tả sự kiện, cảm xúc và lời chúc trong các thư từ cá nhân đủ để đáp lại cho người viết.	CLO2, 3/6

	- Có thể hiểu các hướng dẫn sử dụng được viết rõ ràng, mạch lạc cho một thiết bị cụ thể. - Có thể đối chiếu các đoạn thông tin ngắn từ một số nguồn và viết tóm tắt nội dung. - Có thể diễn đạt lại các đoạn văn bản ngắn theo cách đơn giản, sử dụng cách dùng từ và cấu trúc từ của văn bản gốc.	
CO2.2	- Có thể hiểu được ý chính của các hội thoại mở rộng nếu lời nói được diễn đạt rõ ràng bằng ngôn ngữ chuẩn mực. - Có thể theo dõi và hiểu được dàn ý của các bài nói ngắn, đơn giản về các chủ đề quen thuộc nếu được diễn đạt theo giọng chuẩn, rõ ràng. - Có thể theo dõi và hiểu được các bài giảng hay cuộc nói chuyện về đề tài quen thuộc hoặc trong phạm vi chuyên môn của mình nếu được diễn đạt một cách đơn giản với cấu trúc rõ ràng. - Có thể hiểu, làm theo được các thông tin kỹ thuật đơn giản như hướng dẫn vận hành các thiết bị thông dụng. - Có thể hiểu các chỉ dẫn chi tiết (ví dụ như các hướng dẫn về giao thông). - Có thể hiểu các ý chính của các chương trình điểm tin trên đài phát thanh và những nội dung phỏng vấn, phóng sự, phim thời sự có hình ảnh minh họa cho nội dung cốt truyện được diễn đạt rõ ràng và bằng ngôn ngữ đơn giản. - Có thể nắm bắt được các ý chính trong các chương trình phát thanh và truyền hình về các đề tài quen thuộc và được diễn đạt tương đối chậm và rõ ràng. - Có thể hiểu một phần tương đối nội dung các chương trình phát thanh và truyền hình về các chủ điểm mà bản thân quan tâm, ví dụ như các cuộc phỏng vấn, các bài giảng ngắn và các bản tin được diễn đạt tương đối chậm và rõ ràng.	
CO2.3	- Có thể giao tiếp tương đối tự tin về các vấn đề quen thuộc liên quan đến sở thích, học tập và việc làm của mình. Có thể trao đổi, kiểm tra và xác nhận thông tin, giải thích vấn đề nảy sinh. Có thể trình bày ý kiến về các chủ đề văn hóa như phim ảnh, sách báo, âm nhạc, v.v... - Có thể tham gia đàm thoại về các chủ đề quen thuộc mà không cần chuẩn bị, thể hiện quan điểm cá nhân và trao đổi thông tin về các chủ đề quen thuộc liên quan đến sở thích cá nhân, học	

	tập, công việc hoặc cuộc sống hằng ngày. - Có thể mô tả đơn giản về các chủ đề quen thuộc trong lĩnh vực quan tâm. - Có thể trình bày, mô tả bằng các diễn ngôn đơn giản về một câu chuyện ngắn có nội dung gần gũi thuộc các chủ đề quen thuộc. - Có thể kể chi tiết về kinh nghiệm bản thân, cốt truyện của một cuốn sách, bộ phim hay và cảm xúc của mình. - Có thể nói về những ước mơ, hy vọng và ước vọng, các sự kiện có thật hoặc giả tưởng. - Có thể tranh luận một cách rõ ràng, củng cố quan điểm của mình bằng những lập luận và các ví dụ minh họa thích hợp. - Có thể tạo ra chuỗi lập luận hợp lý. - Có thể tranh luận cho một quan điểm cụ thể bằng cách đưa ra những lập luận ưu, khuyết điểm của mỗi lựa chọn. - Có thể trình bày những bài thuyết trình đơn giản, được chuẩn bị trước về một chủ đề quen thuộc hoặc lĩnh vực bản thân quan tâm một cách rõ ràng để người nghe dễ dàng theo dõi vì những điểm chính đã được giải thích với độ chính xác hợp lý. - Có thể trả lời những câu hỏi về bài trình bày tuy nhiên đôi khi vẫn phải hỏi lại khi câu hỏi quá nhanh. - Có thể sử dụng ngôn ngữ đơn giản để giải quyết hầu hết các tình huống có thể phát sinh trong khi đi du lịch. - Có thể bắt đầu một cuộc hội thoại về những chủ đề quen thuộc mà không cần chuẩn bị trước, thể hiện những quan điểm cá nhân và trao đổi thông tin về những chủ đề quen thuộc về cuộc sống thường ngày. - Có thể giao tiếp tương đối tự tin về những vấn đề quen thuộc và không quen thuộc liên quan tới lĩnh vực chuyên môn hoặc quan tâm của mình. Có thể trao đổi, kiểm tra và xác nhận thông tin, xử lý các tình huống ít gặp và giải quyết vấn đề. - Có thể bày tỏ suy nghĩ về những chủ đề văn hóa, có tính trừu tượng như phim ảnh, âm nhạc. - Có thể tham gia hội thoại về những chủ đề quen thuộc mà không cần chuẩn bị trước, tuy nhiên	
--	---	--

	đôi lúc vẫn còn khó khăn để thể hiện chính xác điều mình muốn nói. - Có thể hiểu những lời nói trực tiếp trong hội thoại hằng ngày mặc dù thỉnh thoảng vẫn phải hỏi lại những từ và cụm từ cụ thể. - Có thể diễn đạt cảm xúc và ứng xử trước những cảm xúc như ngạc nhiên, vui, buồn, quan tâm và thờ ơ. - Có thể xử lý hầu hết các tình huống phát sinh trong khi đi du lịch, tổ chức cho chuyến du lịch như đặt chỗ, làm giấy tờ với các cơ quan có thẩm quyền khi đi du lịch nước ngoài. - Có thể xử lý những tình huống bất thường ở các cửa hàng, bưu điện, ngân hàng ví dụ như trả lại hàng hoặc khiếu nại về sản phẩm. - Có thể giải thích một vấn đề phát sinh và làm rõ nguyên nhân để nhà cung cấp dịch vụ hoặc khách hàng phải nhượng bộ. - Có thể đưa ra ý tưởng trong khi phỏng vấn (ví dụ nhắc tới một chủ đề mới) nhưng phụ thuộc vào việc tương tác với người phỏng vấn. - Có thể sử dụng những câu hỏi và trả lời đã chuẩn bị trước để thực hiện cuộc phỏng vấn nhưng vẫn có khả năng đáp ứng một vài câu hỏi tự phát khi phỏng vấn.	
CO2.4	- Có thể miêu tả chi tiết, dễ hiểu về những chủ đề quen thuộc trong lĩnh vực quan tâm. - Có thể viết về các trải nghiệm, miêu tả cảm giác và phản ứng trong một bài viết đơn giản, có tính liên kết. - Có thể miêu tả một sự kiện, một chuyến đi gần đây (thật hoặc giả tưởng). - Có thể viết kể lại một câu chuyện. - Có thể viết những bài luận đơn giản, ngắn gọn về các chủ đề thuộc mối quan tâm cá nhân. - Có thể tóm tắt báo cáo và trình bày ý kiến về những thông tin thực tế mà người viết tích lũy được về những vấn đề quen thuộc có thể xảy ra hằng ngày. - Có thể viết những báo cáo rất ngắn gọn với định dạng chuẩn, cung cấp những thông tin thực tế và nêu lý do cho những kiến nghị đưa ra trong báo cáo.	

	- Có thể truyền đạt thông tin, ý kiến về những chủ đề cụ thể cũng như trừu tượng, kiểm tra thông tin, hỏi và giải thích vấn đề một cách hợp lý. - Có thể viết thư cá nhân, viết các ghi chú để hỏi hoặc truyền đạt những thông tin đơn giản liên quan trực tiếp, giải quyết những điểm được cho là quan trọng. - Có thể viết thư cá nhân mô tả chi tiết kinh nghiệm, cảm xúc, sự kiện. - Có thể viết thư từ giao dịch nhằm cung cấp thông tin cá nhân, trình bày suy nghĩ về những chủ đề liên quan đến công việc, học tập và các chủ đề về văn hóa, âm nhạc, phim ảnh. - Có thể viết các ghi chú truyền đạt thông tin đơn giản về những nội dung liên quan tới bạn bè, nhân viên dịch vụ, giáo viên và những người thường gặp trong cuộc sống hằng ngày, làm rõ được các điểm quan trọng trong tin nhắn. - Có thể hiểu các tin nhắn có nội dung yêu cầu hoặc giải thích vấn đề. - Có thể tập hợp thông tin ngắn từ một vài nguồn và tóm tắt lại những thông tin đó cho người khác. Có thể diễn đạt lại những đoạn văn theo lối đơn giản, sử dụng cách hành văn và trình tự như trong văn bản gốc.	
CO3	Thái độ: Nhận thức tầm quan trọng của học phần; Xây dựng, phát huy tinh thần tự học thông qua sách, Internet; Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm bài đúng hạn; Chia sẻ và trao đổi thông tin, làm việc theo cặp/ nhóm.	CLO3, 3/6

4. Chuẩn đầu ra học phần (Course Learning Outcomes – CLOs)

Bảng 2. Mô tả chuẩn đầu ra của học phần Tiếng Anh cơ bản 3

Ký hiệu	Mô tả	Mức độ giảng dạy (I,T,U)	Trình độ năng lực	Chương HP đảm nhận
CLO1 [1.1.1]	Phát âm rõ ràng; hiểu và biết sử dụng các cấu trúc, cấu tạo từ, có vốn từ vựng và vận dụng theo chủ đề quen thuộc hàng ngày	I,T,U	3/6	Module 1-12
CLO2	Có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong	I,T,U	3/6	Module 1-12

[1.1.2]	công việc, trường học, giải trí, v.v... Có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó. Có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình.			
CLO3 [1.1.3]	Làm việc, học tập độc lập hoặc theo nhóm; tổ chức và điều hành có hiệu quả trong làm việc nhóm; Khẳng định tầm quan trọng của việc học tiếng Anh; Tự giác, hứng thú học tiếng Anh	T,U	3/6	Module 1-12

Bảng 3. Ma trận đóng góp của các bài giảng cho việc đạt CDR học phần

CLOs Bài giảng	Kỹ năng chung	Kỹ năng nghề nghiệp		Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
	[2.1.1]	[2.1.3]	[2.2.1]	[3.1.1]	[3.2.1]
Module 1	x	x	x	x	x
Module 2	x	x	x	x	x
Module 3	x	x	x	x	x
Module 4	x	x	x	x	x
Module 5	x	x	x	x	x
Module 6	x	x	x	x	x

Module 7	x	x	x	x	x
Module 8	x	x	x	x	x
Module 9	x	x	x	x	x
Module 10	x	x	x	x	x
Module 11	x	x	x	x	x
Module 12	x	x	x	x	x

5.

6. Đánh giá học phần (các thành phần, các bài đánh giá và tỉ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của học phần)

Bảng 4. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CDR học phần được đánh giá (CLOs)	Trọng số (tỉ lệ %)	Hình thức đánh giá	Thời điểm đánh giá
A1. Đánh giá quá trình			50		
A1.1. Sự chuyên cần, thái độ học tập			20		
Sự chuyên cần	A1.1.1. Tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp	CLO1,2,3	10	Điểm danh trên lớp	Các buổi học
Thái độ học tập	A1.1.2. Thực hiện tích cực các hoạt động trên lớp và bài tập về nhà	CLO1,2,3	10	Thông qua các hoạt động trên lớp và mức độ hoàn thành bài tập về nhà	Các buổi học
A1.2. Kiểm tra định kỳ			30		
	A1.2.1. Bài kiểm tra 1	CLO1,2,3	30	Trắc nghiệm & Tự luận, vấn đáp	Module 1-12
	A1.2.2. Bài kiểm tra 2			Trắc nghiệm & Tự luận, vấn đáp	Module 1-12

A2. Đánh giá cuối kì			50		
	Thi cuối kì	CLO1,2,3		Trắc nghiệm & Tự luận, vấn đáp	Theo lịch thi của P.QLĐT

Bảng 5. Ma trận tương thích giữa các bài đánh giá với CDR học phần

CLOs Bài ĐG	Kiến thức nghề nghiệp		Kỹ năng chung			Kỹ năng nghề nghiệp	Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
	1	2	3	4	5	6	7	8
	[1.2.2.1]	[1.2.2.2]	[2.1.1.1]	[2.1.2.1]	[2.1.2.1]	[2.2.2.1]	[3.1.1]	[3.2.1]
Module 1	x	x	x	x	x	x	x	x
Module 2	x	x	x	x	x	x	x	x
Module 3	x	x	x	x	x	x	x	x
Module 4	x	x	x	x	x	x	x	x
Module 5	x	x	x	x	x	x	x	x
Module 6	x	x	x	x	x	x	x	x
Module 7	x	x	x	x	x	x	x	x
Module 8	x	x	x	x	x	x	x	x
Module 9	x	x	x	x	x	x	x	x
Module 10	x	x	x	x	x	x	x	x
Module 11	x	x	x	x	x	x	x	x
Module 12	x	x	x	x	x	x	x	x

6. Nội dung và kế hoạch giảng dạy (các nội dung giảng dạy lí thuyết và thực hành thể hiện sự tương quan với các CĐR và các bài đánh giá học phần)

Bảng 6. Nội dung và kế hoạch giảng dạy học phần

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/BT/TL /TH/TT)	Đáp ứng CĐR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Nhập môn	8 2 LT/ 6TH	CLO1,2,3	Trình bày, hỏi đáp	Lắng nghe, hỏi đáp, nghiên cứu	
2	<u>Module 1: All about you</u> - Các kĩ năng + Reading & Speaking: How we really spend our time + Writing: Write an email for old friend. - Kiến thức ngôn ngữ: + Ngữ âm: auxiliary verbs + Ngữ pháp: present simple and continuous; have/ has got + Từ vựng: Những hoạt động hàng ngày.	11 3 LT/ 1 TL/ 1BT/ 6 TH	CLO1,2,3	Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm, bài tập tình huống, giải đáp	Mang theo tài liệu, sách vở; Chuẩn bị Module 1 Lắng nghe, hỏi đáp, hoạt động cá nhân/ cặp/ nhóm, làm bài tập.	Module 1

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/BT/TL /TH/TT)	Đáp ứng CDR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
3	<u>Module 2: Memory</u> - Các kĩ năng + Reading: Ten ways to improve your memory + Listening & Speaking: First meetings, A childhood memory - Kiến thức ngôn ngữ: + Ngữ âm: cách đọc động từ kết thúc “ed” + Ngữ pháp: past simple and continuous; used to + Từ vựng: remembering and forgetting.	10 3 LT/ 1BT/ 6 TH	CLO1,2,3	Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm, bài tập tình huống, giải đáp	Mang theo tài liệu, sách vở; Chuẩn bị Module 2 Lắng nghe, hỏi đáp, hoạt động cá nhân/ cặp/ nhóm, làm bài tập.	Module 2
4	<u>Module 3: Around the world</u> - Các kĩ năng + Reading: 100 places to visit before you die + Listening & Speaking: Design a tour + Writing: Describe towns and cities - Kiến thức ngôn ngữ: + Ngữ âm: stress + Ngữ pháp: comparatives and superlatives + Từ vựng: Miêu tả về thành phố hoặc miền quê.	11 3 LT/ 1 TL/ 1BT/ 6 TH	CLO1,2,3	Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm, bài tập tình huống, giải đáp	Mang theo tài liệu, sách vở; Chuẩn bị Module 3 Lắng nghe, hỏi đáp, hoạt động cá nhân/ cặp/ nhóm, làm bài tập	Module 3
5	<u>Module 4: Life stories</u> - Các kĩ năng + Reading: Parallel lives + Listening & Speaking: Talk about someone you	10 3 LT / 1BT/ 6 TH	CLO1,2,3	Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm, bài tập tình	Mang theo tài liệu, sách vở; Chuẩn bị Module	Module 4

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/BT/TL /TH/TT)	Đáp ứng CĐR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
	admire + Writing: A curriculum vitae. - Kiến thức ngôn ngữ: + Ngữ âm: Strong and weak forms of have, linking; + Ngữ pháp: Present perfect simple and continuous; cách sử dụng “for, since and ago” + Từ vựng: Miêu tả về các sự kiện và đặc điểm.			huống, giải đáp	4 Lắng nghe, hỏi đáp, hoạt động cá nhân/ cặp/ nhóm, làm bài tập.	
6	<u>Module 5: Success</u> - Các kĩ năng + Reading: Have you got what it takes? + Listening & Speaking: Doing something different + Writing: A covering letter - Kiến thức ngôn ngữ: + Ngữ âm: Stressed syllables + Ngữ pháp: Future forms, future clause with “if, when” + Từ vựng: Từ vựng về công việc	10 2 LT/ 1 TL/ 1BT/ 6 TH	CLO1,2,3	Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm, bài tập tình huống, giải đáp	Mang theo tài liệu, sách vở; Chuẩn bị Module 5 Lắng nghe, hỏi đáp, hoạt động cá nhân/ cặp/ nhóm, làm bài tập.	Module 5
7	<u>Module 6: In the media</u> - Các kĩ năng + Reading: New stories + Listening & Speaking: TV and radio + Writing: A consumer review. - Kiến thức ngôn ngữ:	9 2 LT/ 1BT/ 6 TH	CLO1,2,3	Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm, bài tập tình huống, giải	Mang theo tài liệu, sách vở; Chuẩn bị Module 6	Module 6

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/BT/TL /TH/TT)	Đáp ứng CĐR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
	+ Ngữ âm: word stress + Ngữ pháp: passive voice, ed/ -ing adjectives + Từ vựng: News stories			đáp	Lắng nghe, hỏi đáp, hoạt động cá nhân/ cặp/ nhóm, làm bài tập.	
8	<u>Module 7: Socialising</u> - Các kĩ năng + Reading: The great international night out + Listening: Social customs in Thailand + Speaking: Social behaviour - Kiến thức ngôn ngữ: + Ngữ âm: sounding polite, 'll + Ngữ pháp: cách sử dụng “will” cho lời đề nghị hoặc đưa ra quyết định + Từ vựng: cách ứng xử, giao tiếp xã hội.	10 2 LT/ 1 TL/ 1BT/ 6 TH	CLO1,2,3	Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm, bài tập tình huống, giải đáp	Mang theo tài liệu, sách vở; Chuẩn bị Module 7 Lắng nghe, hỏi đáp, hoạt động cá nhân/ cặp/ nhóm, làm bài tập.	Module 7
9	<u>Module 8: Things you can't live without</u> - Các kĩ năng + Reading: Machines behaving badly + Listening & Speaking: Make a list of things you'd hate to be without + Writing: Saying thank you - Kiến thức ngôn ngữ: + Ngữ âm: stress in compound nouns + Ngữ pháp: defining relative clauses; quantifiers	9 2 LT/ 1BT/ 6 TH	CLO1,2,3	Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm, bài tập tình huống, giải đáp	Mang theo tài liệu, sách vở; Chuẩn bị Module 8 Lắng nghe, hỏi đáp, hoạt động cá nhân/ cặp/ nhóm,	Module 8

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/BT/TL /TH/TT)	Đáp ứng CĐR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
	+ Từ vựng: Miêu tả hoạt động của máy móc và các vật thể.				làm bài tập.	
10	<u>Module 9: Future society</u> - Các kĩ năng + Reading: Getting it wrong! Getting it right? + Listening & Speaking: Decide how to spend lottery money - Kiến thức ngôn ngữ: + Ngữ âm: Âm /əʊ/ và /ə/ + Ngữ pháp: making predictions + Từ vựng: Xã hội và những thay đổi.	10 2 LT/ 1 TL/ 1BT/ 6 TH	CLO1,2,3	Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm, bài tập tình huống, giải đáp	Mang theo tài liệu, sách vở; Chuẩn bị Module 9 Lắng nghe, hỏi đáp, hoạt động cá nhân/ cặp/ nhóm, làm bài tập.	Module 9
11	<u>Module 10: An amazing story</u> - Các kĩ năng + Reading: The perfect crime....well almost. + Listening & Speaking: Types of story, ghost story + Writing: A narrative - Kiến thức ngôn ngữ: + Ngữ âm: stress + Ngữ pháp: past perfect, reported speech + Từ vựng: tội phạm và các thể loại truyện.	9 2 LT/ 1BT/ 6 TH	CLO1,2,3	Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm, bài tập tình huống, giải đáp	Mang theo tài liệu, sách vở; Chuẩn bị Module 10 Lắng nghe, hỏi đáp, hoạt động cá nhân/ cặp/ nhóm, làm bài tập.	Module 10
12	<u>Module 11: Rules and freedom</u>	9	CLO1,2,3	Thuyết trình, phát	Mang theo tài	Module

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/BT/TL /TH/TT)	Đáp ứng CDR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
	- Các kĩ năng + Reading: To sue or not to sue? + Listening & Speaking: Annoying rules + Writing: Linking words - Kiến thức ngôn ngữ: + Ngữ âm: Modal verbs + Ngữ pháp: Obligation and permission in the present and past + Từ vựng: luật lệ.	2 LT/ 1BT/ 6 TH		vấn, thảo luận nhóm, bài tập tình huống, giải đáp	liệu, sách vở; Chuẩn bị Module 11 Lắng nghe, hỏi đáp, hoạt động cá nhân/ cặp/ nhóm, làm bài tập.	11
13	<u>Module 12: Dilemmas</u> - Các kĩ năng + Reading & Speaking: Find solutions to problems + Writing: Cách giải quyết vấn đề. - Kiến thức ngôn ngữ: + Ngữ âm: Past modal forms, Vowel sounds + Ngữ pháp: could have/ should have/ would have + Từ vựng: Giải quyết vấn đề.	10 2 LT/ 1BT/ 7 TH	CLO1,2,3	Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm, bài tập tình huống, giải đáp	Mang theo tài liệu, sách vở; Chuẩn bị Module 12 Lắng nghe, hỏi đáp, hoạt động cá nhân/ cặp/ nhóm, làm bài tập.	Module 12

7. Học liệu

▪ Học liệu bắt buộc

Cunningham, S., Moor, P. & Eales, F. 2005. New Cutting Edge Intermediate – Student's Book & Workbook. Longman ELT.

▪ Học liệu bổ trợ

1. Murphy, R., 2003. Basic Grammar in Use. Cambridge: Cambridge University Press
2. McCarthy, M. & O'Dell, F.1999. English Vocabulary in Use – Intermediate. Cambridge: Cambridge University Press
3. Cravens, M., Driscoll, L., Gammidge, M. & Palmer, G. Listening Extra, Reading Extra, Speaking Extra & Writing Extra. (6th) 2008 Cambridge: Cambridge University Press (Intermediate parts only)

▪ **Websites**

- <http://australiannetwork.com>
- <http://world-english.org>
- www.bbc.co.uk/vietnamese/learningenglish
- www.englishpage.com/
- www.learnenglish.org.uk
- www.petalia.org
- www.voanews.com

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy học phần

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường B	- Máy chiếu	01	Module 1-12

9. Các Rubric đánh giá kết quả học tập

Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendance)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Không đi học (<30%)	Đi học không chuyên cần (<50%).	Đi học khá chuyên cần (<70%)	Đi học chuyên cần (<90%)	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100%)	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	50%

Rubric 2: Thuyết trình (Oral Presentation)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú. Có sử dụng video	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú. Có sử dụng video và giải thích cụ thể hiểu biết trên video.	50%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Trình bày slide	Slide trình bày quá sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ và hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần (introduction, body and conclusion)	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần. Thuật ngữ sử dụng đơn giản dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ.	25%
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định. Sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ. Người nghe không hiểu.	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn một số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe khi trình bày.	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe. Người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày.	Phần trình bày ngắn gọn, dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu được nội dung trình bày.	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định.	25%

Rubric 3: Làm việc nhóm (Teamwork Assessment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Tổ chức nhóm	Không có sự làm việc nhóm	Trách nhiệm và nhiệm vụ công việc của các thành viên trong nhóm không được phân công cụ thể.	Mỗi thành viên có nhiệm vụ công việc riêng nhưng không rõ ràng và không phù hợp với khả năng của thành viên trong nhóm.	Nhiệm vụ công việc rõ ràng và phù hợp với khả năng của mỗi thành viên trong nhóm.	Nhiệm vụ công việc của mỗi thành viên rõ ràng, cụ thể, phù hợp. Phát huy thế mạnh của các thành viên trong nhóm. Tương tác, phối hợp tốt giữa các thành viên.	30%
Tham gia làm việc nhóm (chuyên cần)	< 30%	<50%	<70%	<90%	100% (Tham gia đầy đủ các buổi họp, thảo luận của nhóm)	20%
Thảo luận	Không bao giờ tham gia vào việc thảo luận của nhóm.	Hiếm khi tham gia vào thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay.	Luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay, hiệu quả cho các hoạt động của nhóm.	30%
Phối hợp nhóm	Không bao giờ phối hợp, hợp tác với nhóm.	Hiếm khi hợp tác, phối hợp làm việc nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thỉnh thoảng tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thường xuyên tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Luôn luôn tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	20%

Rubric 4: Bài tập (*Work Assignment*)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập.	Nộp bài tập 70% số lượng bài tập được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	20%
Trình bày bài tập	Không có bài tập	Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Lý luận, bảng biểu sử dụng trong bài tập không phù hợp.	Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Lý luận, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú)	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Lập luận sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý.	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng), lập luận logic sử dụng trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	30%
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót trong tính toán.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Lập luận đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Lập luận chứng cứ logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn	50%

					hợp lý.	
--	--	--	--	--	---------	--

Hải Dương, ngày 15 tháng 10 năm 2023

Trưởng Khoa KH Cơ bản

Giảng viên

PGS,TS. Nguyễn Thị Phước Nhuận

ThS. Nguyễn Thị Nhung